

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

---***---

Án số: **10/2019/HS-ST**

Ngày 26/02/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.*

** Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Đoàn Ngọc Sử.*

2, Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

** Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia
phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2019/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/HSST-QĐ ngày 12/02/2019 đối với bị cáo:

Đặng Đức T, sinh năm: 1986 (tên gọi khác: Không).

Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đặng Xuân M, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1965.

Bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Vợ, con: Chưa.

** Nhân thân:* Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 10/12 bỏ học ở nhà lao động tự do.

- Ngày 10/9/2012 bị TAND thành phố Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 11/12/2013 chấp hành xong, ngày 19/12/2012 đã nộp xong tiền án phí.

- Ngày 30/9/2016 bị Công an huyện Đông Hưng xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

** Tiền án* (có 01 tiền án): Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2016/HSST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt Đặng Đức T 01 năm 03 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản, bồi thường thiệt hại 7.000.000đồng, T chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/11/2017 và đã nộp

tiền án phí hình sự sơ thẩm nhưng chưa thi hành phần bồi thường trách nhiệm dân sự.

*** Tiền sự:** Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

Chị Tổng Thị T1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Đặng Xuân M, sinh năm 1959 (có mặt)

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án đối với bị cáo Đặng Đức T đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 01/12/2018 T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại xe Wave RXS màu đỏ, biển kiểm soát 17M3-8725 mượn của bố đẻ là Đặng Xuân M với mục đích đi thành phố Thái Bình chơi. Khi đi qua cửa hàng tạp hóa của chị Tổng Thị T1 thì dừng xe đi bộ vào cửa hàng mục đích để mua thuốc lá. T gọi người bán hàng nhưng không thấy ai, chỉ thấy chị T1 là chủ quán đang nằm ngủ ở giường cách quầy hàng 02m, T đi ra ngoài chỗ để xe đợi khoảng 02 phút rồi tiếp tục quay lại quán để mua thuốc. Lúc này chị T1 vẫn đang ngủ, cửa hàng không có ai khác nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T quan sát xung quanh thì phát hiện có 01 tủ gỗ cao khoảng 1,50m ở bên phải quầy hàng theo hướng nhìn từ ngoài vào, nghĩ trong tủ có tiền nên T tiến lại gần. T cúi người đi đến chỗ chiếc tủ vừa đi vừa quan sát chị T1, T định mở chiếc tủ ra thì thấy có tiếng xe ngoài đường nghĩ là có khách vào quán nên T chạy ra ngoài cửa. Khi thấy đã an toàn, T tiếp tục tiến lại chỗ chiếc tủ, dùng tay trái mở cánh tủ bên phải thì thấy có 01 hộp nhôm màu trắng được gắn chặt vào cánh tủ, T dùng tay trái mở nắp của chiếc hộp nhôm thấy 01 chiếc ví màu đỏ, đã cũ không kéo khóa, bên trong ví có đựng tiền với nhiều mệnh giá khác nhau. T lấy chiếc ví cầm ở tay trái, định ra chỗ để xe thì lúc này chị T1 tỉnh dậy. Thấy vậy T sợ nên đã vứt chiếc ví lại trên mặt tủ gỗ rồi bỏ chạy ra chỗ để xe mô tô nổ máy đi về nhà, chị T1 chạy bộ đuổi theo T nhưng không kịp. Sau sự việc chị T1 đã đến Công an xã Đ trình báo. Công an xã Đ, Công an huyện Đông Hưng và chị T1 đã tiến hành lập biên bản kiểm đếm, quản lý số tiền trong ví là 2.557.000đồng, gồm các mệnh giá: 05 tờ 200.000đồng; 10 tờ mệnh giá 100.000đồng; 10 tờ mệnh giá 50.000đồng; 02 tờ mệnh giá 20.000đồng; 01

tờ mệnh giá 5000đồng; 05 tờ mệnh giá 2000đồng và 02 tờ mệnh giá 1000đồng. Toàn bộ diễn biến sự việc đã được hệ thống camera nhà chị Thu ghi lại.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại giai đoạn điều tra chị Tổng Thị T1 không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 17/KSĐT ngày 30/01/2019 đã truy tố, hành vi của bị cáo Đặng Đức T đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38; khoản 3 Điều 57, Điều 15 Bộ luật hình sự xử phạt Đặng Đức T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Đặng Đức T.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Tổng Thị T1 không yêu giải quyết.

* Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Bị cáo Đặng Đức T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

PHÂN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã mô tả. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 01/12/2018; Lời khai của người bị hại là chị Tổng Thị T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Xuân M và biên bản xác định thiệt

hại ngày 01/12/2018. Do vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Đức T có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Tống Thị T1 nên khoảng 12 giờ ngày 01/12/2018, bị cáo đã lén lút mở hộp nhôm đựng tiền đặt trong chiếc tủ gỗ để ở bên phải quầy hàng trộm cắp số tiền 2.557.000 đồng mục đích để tiêu xài cá nhân nhưng chưa kịp lấy đã bị phát hiện.

[2.1] Hành vi của bị cáo Đặng Đức T đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

“*Điều 173: Tội trộm cắp tài sản quy định:*

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....”.

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân ở địa phương nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị phát hiện và chưa thực hiện hành vi lấy được tài sản của chủ sở hữu nên cần áp dụng Điều 15 Bộ luật hình sự để xét xử đối với bị cáo.

Khi xem xét, cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; phạm tội chưa gây thiệt hại nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa là phù hợp.

[2.3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có việc làm ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Trong vụ án:

- Đối với hành vi Đặng Đức T khai nhận đã mua ma túy về nhà sử dụng ngày 01/12/2018 sau đó bị Công an huyện Đông Hưng đưa đi kiểm tra, kết quả cho thấy T dương tính với ma túy, Công an huyện Đông Hưng đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với T là đúng pháp luật.

- Đối với ông Đặng Xuân M cho T mượn xe mô tô biển kiểm soát 17M3-8725 sau đó T dùng xe này để đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên khi mượn T chỉ nói là đi chơi, ông M không biết T dùng xe đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý đối với ông M là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Tổng Thị T1 không yêu cầu giải quyết nên cần được chấp nhận.

[5] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17M3-8725 cho ông Đặng Xuân M, sinh năm 1959; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

- Đối với chiếc ví giả da màu nâu đỏ thu của chị Tổng Thị T1, chị T1 cho rằng chiếc ví không còn giá trị sử dụng chị T1 không đề nghị lấy lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Đặng Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Đức T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đặng Đức T 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/12/2018.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Đức T.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc Chị Tổng Thị T1, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình không yêu cầu giải quyết.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17M3-8725 cho ông Đặng Xuân M, sinh năm 1959; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 03/12/2018.

- Tịch thu tiêu hủy chiếc ví giả da màu nâu đỏ không còn giá trị sử dụng có đặc điểm như biên bản giao vật chứng giữa Công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 30/01/2019.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Đặng Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
 (đã ký)

Hoàng Văn Thành